

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày: 23-3-2021
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1944; Địa chỉ nơi cư trú: xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lâm Văn X (tên gọi khác: T), sinh năm 1976; Địa chỉ nơi cư trú: xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt lần thứ hai).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Đặng Văn B, sinh năm 1966; Địa chỉ nơi cư trú: xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

3.2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ nơi cư trú: xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, trình bày: Vào năm 2019, ông có cho anh Lâm Văn X thuê 04 công đất với giá 8.000.000 đồng/năm và hơn 01 công đất hầm với giá 5.000.000 đồng/năm, khi thuê không có làm giấy tờ; cái hầm anh X thuê để nuôi cá thì trả tiền liền, còn 04 công đất thì hết 01 vụ mới trả. Nhưng thuê đất rồi anh X không làm mà để trống tới mùa nước thì cây mai dương lên nhiều nên ông và cháu ông vô chặt thì anh X có mặt tại hầm nuôi cá tra và đang kéo lên bán cho người mua để phóng sinh, rồi anh X nói đất tôi mượn rồi mà ông vô chặt cây làm gì để gai đâm anh không qua lại được. Nhưng sau khi đến hạn thì ông có đòi nhưng anh X không chịu trả tiền thuê, nên ông có báo với ông B là Công an ấp Giồng Bàng thì ông B có mời làm việc nhưng anh X không đến, anh X cho rằng không có mượn đất ông và thách ông đi thưa. Ông B có bán cái hầm cho anh X cũng cặp bên cái hầm mà ông cho anh X thuê. Ngoài ra, khi anh X rủ bà H trồng rau muống thì bà H cũng có tới hỏi ông, nhưng sau đó thì bà H không có hùn với anh X làm gì hết. Hiện nay, ông đã lấy lại cái hầm và 04 công đất ruộng. Tại phiên tòa hôm nay ông chỉ yêu cầu anh X trả phân nửa số tiền thuê đất là 4.000.000 đồng.

Bị đơn anh Lâm Văn X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của pháp luật nhưng anh X hoàn toàn vắng mặt.

Người làm chứng ông Đặng Văn B trình bày: Nguyên ông có 01 cái ao diện tích 2.000m², vào năm 2018 thì ông có bán cho anh T (tự là X), sau đó anh T nuôi cá tra, ông có nói là không có đường đi lên thành kênh thì T nói là mượn đất của ông C làm đường đi, sau đó ông nghe nói là 02 bên đã tự thuận với nhau là giá 8.000.000 đồng. Khi 02 bên tranh chấp thì ông có mời đến hòa giải nhưng Tèo không đến.

Người làm chứng bà Huỳnh Thị H trình bày: Năm 2019, ông C và ông X (tự T) có cớ đất, số tiền bao nhiêu thì bà không biết, ông X có rủ bà trồng rau muống hùn nhưng bà không chịu, sau đó ông X có trả tiền thuê đất cho ông C không thì bà không biết vì bà không có sản xuất trên đất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, buộc anh Lâm Văn X trả số tiền 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tuy quá trình giải quyết vụ án thể hiện tranh chấp phát sinh giữa các đương sự xuất phát từ việc anh Lâm Văn X thuê đất của ông Nguyễn Văn C để canh tác, nhưng việc thuê đất giữa các đương sự đã kết thúc, ông C đã lấy lại phần đất cho thuê, chỉ còn tranh chấp số tiền cụ thể, do đó Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ tranh chấp của vụ án này là “Đòi lại tài sản” là đúng với bản chất của sự việc, được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Tại phiên tòa bị đơn anh Lâm Văn X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lâm Văn X.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn anh Lâm Văn X có nợ tiền của ông Nguyễn Văn C là có căn cứ, điều đó đã được thể hiện qua lời làm chứng của ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Thị H là anh Lâm Văn X có thỏa thuận thuê đất của ông C, rồi sau đó có rủ bà H trồng rau muống nhưng bà H không đồng ý, nên anh X mới sử dụng phần đất đã thuê để làm đường đi lên, xuống khu vực hầm đã thuê của ông C, cũng như hầm đã mua của ông Bé. Vì vậy, việc khởi kiện của ông C là có căn cứ, còn anh X không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông C chỉ yêu cầu anh X trả phân nửa số tiền thuê đất là 4.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện, nên chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn. Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc anh X phải trả số tiền 4.000.000 đồng theo yêu cầu của ông C.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 300.000 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 91, 92, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc anh Lâm Văn X trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Anh Lâm Văn X chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn Văn C thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng